TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2023/DS-ST
Ngày 08 – 9 – 2023
V/v yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà.

Ông Nguyễn Văn Hiển.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi tham gia phiên tòa: Bà Ngô Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 402/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc "yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Khóm x, thị trấn Đ1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Anh Lâm Thanh H, sinh năm 1973. Địa chỉ cư trú: Ấp T3, xã T4, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Ấp T3, xã T4, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

2. Chị Nguyễn Tuyết H1, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: Ấp T3, xã T4, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Ấp T3, xã T4, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan*:

1. Chị Nguyễn Hồng N. Địa chỉ cư trú: Ấp T3, xã T4, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Tạ Hồng T. Địa chỉ cư trú: Khóm x, thị trấn Đ1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại phiên tòa của chị Nguyễn Thị P, thể hiện:*

Vào ngày 26/01/2020 âm lịch chị thuê lại phần nhà tiền chế mà chị Nguyễn Tuyết H1, anh Lâm Thanh H đã xây dựng, thời hạn 06 tháng với số tiền 16.000.000 đồng; khi làm hợp đồng anh H, chị H1 nhận 10.000.000 đồng và ngày 09/3/2020 bà Đặng Thị Th (mẹ chị H1) nhận thêm 6.000.000 đồng. Hết thời hạn thuê, chị H1, anh H tiếp tục cho thuê thời hạn 01 năm (từ ngày 01/8/2020 âm lịch) với giá 30.000.000 đồng; do chị H1, anh H không ở nhà nên chị đến nhà bà Th và giao cho bà Thu nhận thay số tiền 25.000.000 đồng, sau đó nhận thêm 5.000.000 đồng là đủ tiền thuê đến ngày 30/7/2021 âm lịch; thỏa thuận thuê của các lần này đã thực hiện xong, các bên không có tranh chấp gì về các nội dung này.

Vào ngày 11/7/2021 âm lịch chị H1, anh H tiếp tục cho chị thuê thời hạn 02 năm (từ ngày 01/8/2021 đến ngày 30/7/2023 âm lịch) với số tiền 20.000.000 đồng nhưng chị H1, anh H không ở nhà nên đã nhờ chị Nguyễn Hồng N nhận và trực tiếp viết biên nhận nhận số tiền này.

Đến ngày 24/8/2022 bà T đã dỡ phần nhà chị đang thuê của chị H1, anh H thì xảy ra tranh chấp, địa phương đã đến lập biên bản sự việc và chị đã phải mua bạt với số tiền 1.500.000 đồng để che chắn, bảo quản tài sản. Như vậy, thời hạn thuê còn 01 năm nữa mới hết nên chị H1, anh H vi phạm thời hạn thuê làm thiệt hại và mất thu nhập của chị nên yêu cầu chị H1, anh H phải trả lại số tiền thuê đã thanh toán 20.000.000 đồng, bồi thường tiền thiệt hại do tháo dỡ nhà 2.720.000 đồng và mất thu nhập do không kinh doanh là 85.500.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu là 108.220.000 đồng.

Tại phiên họp công khai chứng cứ ngày 03/11/2022 chị P yêu cầu chị H1, anh H trả lại tiền thuê nhà của 01 năm còn lại là 10.000.000 đồng; bồi thường tiền mua bạt là 1.500.000 đồng và mất thu nhập là 85.500.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu là 97.000.000 đồng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 05/01/2023 chị P yêu cầu chị H1, anh H bồi thường tiền thuê nơi khác trong thời hạn 01 năm là 36.000.000 đồng và mất thu nhập trong thời gian 03 tháng là 63.000.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu là 99.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, chị P yêu cầu bồi thường tiền mua bạt là 1.500.000 đồng và tiền mất thu nhập trong thời gian 03 tháng là 18.000.000 đồng và thuê nhà còn lại là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu là 29.500.000 đồng.

** Lời trình tại phiên tòa của chị Nguyễn Tuyết H1, thể hiện*:

Trước đây, chị và chị Nguyễn Thị B (em chị H1) thuê phần đất kích thước ngang 06m, dài 23-25m tại khóm x, thị trấn Đ1 của bà Tạ Hồng T thời gian 05 năm (từ ngày 10/4/2018 đến ngày 10/4/2023), với giá 12.000.000 đồng/năm, hợp đồng do chị B đứng tên; sau khi thuê, chị B và chị đã dựng nhà tiền chế để kinh doanh, mua bán; sau đó chị Bé không tiếp tục sử dụng nên để lại cho chị tiếp tục thuê phần đất của bà T, các vấn đề sau này không còn liên quan đến chị Bé. Do không tiếp tục mua bán nên ngày 26/01/2020 âm lịch chị và anh H cho chị P thuê lại phần nhà trên trong thời gian 06 tháng với số tiền 16.000.000 đồng (chị nhận 10.000.000 đồng, bà Đặng Thị Th – mẹ chị H1 nhận 6.000.000 đồng); hết thời hạn chị tiếp tục cho chị P thuê thêm 01 năm với số tiền 30.000.000 đồng (bà Th đã nhận 02 lần đủ số tiền này); hết thời hạn thuê lần này, chị tiếp tục cho chị P thuê thêm 01 năm với số tiền 20.000.000 đồng; do không có ở nhà nên chị có ủy quyền cho chị Nguyễn Hồng N (em chị H1) làm biên nhận nhận số tiền 20.000.000 đồng. Việc chị N ghi biên nhận và sự sửa trong biên nhận nội dung "*năm 2023 âm lịch*" chị không biết; khi hết thời hạn thuê chị đã thông báo cho chị P bàn giao để dỡ nhà trả đất lại cho bà T thì chị P xác định thời gian thuê còn 01 năm, chị yêu cầu chị N đưa lại giấy thì phát hiện có sửa chữa số "*năm 2023 âm lịch*" nên không đồng ý và báo sự việc đến ông Tạ Hoàng Nh (Trưởng khóm 5), anh Lê MinhV (công an khóm) và đến ngày 11/8/2022 chị dỡ phần mái che đã cho chị P thuê mục đích để trả lại đất thì phát sinh tranh chấp; ông Nh đã mời các bên về trụ sở lập biên bản sự việc, địa phương quy định giữ nguyên 03 tháng để chờ kết quả giải quyết của Tòa án, trong thời gian đó, chị P đã tự ý dỡ nhà nên đến ngày 24/8/2022 chị dỡ nhà trả lại đất cho bà T (do hết thời hạn thuê và bà T không cho thuê tiếp). Do chị P thanh toán số tiền 20.000.000 là của 01 năm và đã hết thời hạn thuê nên chị không đồng ý bồi thường theo yêu cầu cùa chị P.

Tại phiên tòa, chị H1 đồng ý bồi thường cho chị H1 tiền mua bạt 1.500.000 đồng và hỗ trợ mất thu nhập do chị P không mua bán 03 tháng là 9.000.000 đồng. Các yêu cầu khác của chị P chị không đồng ý.

** Tại biên bản ghi lời khai đối với bà Tạ Hồng T, thể hiện*:

Vào tháng 4/2018 dương lịch, bà cho chị B (em ruột chị H1) thuê phần đất tại khóm x, thị trấn Đ1, thời hạn 05 năm (từ ngày 10/4/2018 đến ngày 10/4/2023) với giá 12.000.000 đồng/năm, thanh toán tiền vào ngày đầu của mỗi năm thuê; khi thỏa thuận có làm văn bản (hiện không còn). Theo hợp đồng có ghi nếu người thuê không có nhu cầu ở thì có quyền trả đất bất cứ lúc nào mà không cần hết thời hạn 05 năm. Sau khi cho thuê thì chị B sử dụng cùng vợ chồng chị H1, anh H (do chị H1 và B cùng thuê nhưng do chị B đứng tên trên hợp đồng thuê), sau đó chị B cất nhà cùng chị H1, anh H sử dụng một thời gian thì chị B chuyển đi nơi khác sinh sống, chị H1, anh H tiếp tục sử dụng đất thuê. Bà có biết việc chị H1 cho chị P thuê nhưng giao dịch giữa các bên còn nên bà không có ý kiến.

Khoảng năm 2021, chị H1 có ý định trả lại đất nhưng do chị P đang thuê còn 01 năm nên đã yêu cầu cho thuê thêm 01 năm; bên cạnh đó, do dịch bệnh nên

không dọn đi nơi khác được. Đến tháng 4 năm 2022 hết thời hạn 04 năm nhưng hợp đồng cho chị P thuê chưa hết nên chị H1 xin kéo dài thêm 04 tháng (trả tiền riêng) để có thời gian dỡ nhà, di dời trả lại đất. Đến tháng 08/2022 chị H1 trả lại đất cho bà, khi cho thuê và lúc trả lại trên đất không có tài sản gì khác. Khi chị H1 dỡ nhà để di dời, chị P có mua bạt đen về che mấy cái võng bị ướt, tài sản không bị thiệt hại.

** Đối với anh Lâm Thanh H và chị Nguyễn Hồng N*: Mặc dù đã được tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng các đương sự này không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải, xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có kiến nghị và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 422, 472, 474, 475 và 482 của Bộ luật Dân sự; Điều 131 của Luật Nhà ở; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Tuyết H1 Hồng. Buộc chị H1, anh Lâm Thanh H trả cho chị P 10.500.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu của chị P. Buộc chị H1, anh H trả cho chị P 5.000.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu anh Lâm Thanh H, chị Nguyễn Tuyết H1 bồi thường tiền mất thu nhập và tiền thuê nhà để mua bán nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng" thuộc thẩm quyền của Tòa án theo khoản 6 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án và diễn biến tại phiên tòa, thể hiện: Trước đây chị H1 cùng chị Nguyễn Thị B đã thuê phần đất của bà T, sau đó chị B không sử dụng nên giao lại cho chị H1, anh H tiếp tục sử dụng; đến thời điểm hiện nay các bên không tranh chấp phần đất thuê và thời gian thuê đã hết; bên cạnh đó, chị P yêu cầu chị H1, anh H bồi thường thiệt hại do chấm dứt hợp đồng thuê trước thời hạn. Do đó, khi giải quyết yêu cầu của chị P không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của chị B nên không cần thiết đưa chị B vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan khi giải quyết đối với vụ án này là phù hợp.

[3] Bà Tạ Hồng T có yêu cầu đề nghị xét xử vắng mặt, anh H và chị Nguyễn Hồng N đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, chị P thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện; chị P yêu cầu chị H1, anh H bồi thường các khoản gồm: Chi phí mua bạt 1.500.000 đồng; tiền mất thu nhập 18.000.000 đồng và tiền thuê của thời gian còn lại là 10.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị P là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Quá trình giải quyết vụ án và diễn biến tại phiên tòa các đương sự đều xác định bà Tạ Hồng T cho chị B và chị H1 thuê phần đất tại khóm x, thị trấn Đ thời hạn 05 năm (từ ngày 10/4/2018 đến ngày 10/4/2023) với giá 12.000.000 đồng/năm; sau khi thuê, chị Bé và chị H1, anh H đã dựng nhà tiền chế để kinh doanh, mua bán. Tuy nhiên, khi chị B đi nơi khác sinh sống thì giao lại toàn bộ cho chị H1, anh H tiếp tục quản lý, sử dụng sau đó đã cho chị P thuê lại. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Xét các giao dịch thuê đã kết thúc vào ngày 30/7/2021 âm lịch thấy rằng: Vào ngày 26/01/2020 âm lịch chị H1, anh H cho chị P thuê lại phần nhà dựng trên phần đất thuê của bà T, thời hạn 06 tháng với số tiền 16.000.000 đồng (chị H1, anh H nhận 10.000.000 đồng, bà Đặng Thị Th nhận 6.000.000 đồng); khi hết thời hạn, chị H1, anh H cho thuê tiếp thêm 01 năm (từ ngày ngày 01/8/2020 đến ngày 30/7/2021 âm lịch) với số tiền 30.000.000 đồng (do bà Th nhận). Tính đến 30/7/2021 âm lịch, các lần trên đã thực hiện xong và không có tranh chấp gì nên không xem xét đối với các giao dịch này.

[7] Theo kết luận giám định số 2877/KL-KTHS ngày 07/6/2023 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định: "Chữ viết "2" hàng chục liền trước chữ số "3" trong nội dung: "7/2023", "hết hạng 2023" và chữ viết "23" dưới nội dung: "7/2023", "hết hạng 2023" so với chữ viết còn lại trong nội dung "trong dòng: 30/7... của chị P" là do cùng một người viết ra. Quá trình giải quyết chị P xác định biên nhận do chị N viết, chị H1 thừa nhận có ủy quyền cho chị N nhận tiền và viết biên nhận. Do đó, có căn cứ xác định toàn bộ chữ viết, chữ số trong giấy nhận tiền do chị N là người thực hiện.

[8] Xét xác nội dung biên nhận, thấy rằng: Nội dung biên nhận ghi *"Trong dòng 30/7/2023 âm lịch còn 1 năm rưỡi là hết hạn 2023 là số tiền là 20.000. Nửa năm sau bớt thì thôi, không bớt thì chia đôi"*, chị N nhận số tiền 20.000.000 đồng của chị P và chữ sửa số trong biên nhận. Khi viết biên nhận đã làm thành 02 bản và mỗi bên giữ một bản; quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị H1 thừa nhận, khi chị N đưa biên nhận lại thì đã có sửa chữ số nên có căn cứ xác định chị N đã viết biên nhận đã sửa chữa các chữ số trong văn bản này.

[9] Căn cứ vào nội dung biên nhận thì chị P xác định ngày 11/7/2021 âm lịch chị H1, anh H đã tiếp tục cho chị P thuê đến ngày 30/7/2023 âm lịch có thời gian là 02 năm. Tuy nhiên, biên nhận do chị N viết theo yêu cầu của chị H1 có nội dung không rõ ràng, có sự sửa chữa dẫn đến có cách hiểu khác nhau nên chị H1 cũng có lỗi dẫn đến có cách hiểu không đúng bản chất sự việc.

Tuy nhiên, khi xâu chuỗi lại các sự kiện đã xảy ra thì thấy rằng: Việc bà T cho chị H1 thuê 12.000.000 đồng/năm, chị H1 (chị B) đã phải xuất chi phí dựng nhà, sau đó chị H1 cho chị P thuê lại; với nội dung chị N ghi và sửa được hiểu là đến ngày 30/7/2023 âm lịch nhưng khi ghi lại xác định là thời gian thuê là 01 năm rưỡi nên chị P xác định đã trả tiền thuê của thời gian 02 năm (đến ngày 30/7/2023 âm lịch) tiếp tục không phù hợp với phần có đoạn *"Nửa năm sau bớt thì thôi, không bớt thì chia đôi"*. Mặt khác, lần thuê đến 30/7/2021 âm lịch, tại thời điểm này dịch bệnh Covid-19 đang hoành hành, các khu vực đều phải cách ly, phong tỏa nhưng chị P vẫn thành toán cho chị H1 30.000.000 đồng; từ sau ngày 30/7/2021 âm lịch thì tình hình dịch bệnh đã được kiểm soát, người dân thực hiện các hoạt động dần bình thường trở lại nên việc chị P xác định chị H1 20.000.000 đồng là số tiền thuê của 02 năm là không phù hợp. Mặt khác, lời khai của chị H1 phù hợp với lời khai của bà T về việc chị H1 có gia hạn thêm 04 tháng khi hết thời gian thuê của năm thứ tư (ngày 10/4/2022) nên có căn cứ xác định thời gian cho chị P thuê tiếp từ ngày 30/7/2021 âm lịch đến hết thời hạn là một năm rưỡi.

Do đó, số tiền chị P đã trả 20.000.000 đồng là tiền thuê của thời gian 01 năm (từ ngày 30/7/2021 đến ngày 30/7/2022 âm lịch), phần thuê nửa năm còn lại (sau ngày 30/7/2022 âm lịch) chị P chưa thanh toán cho chị H1 và các bên chưa có thỏa thuận thuê tiếp nên khi hết thời hạn thuê vào ngày 30/7/2022 âm lịch thì chị H1 dỡ nhà, trả lại đất đã thuê cho bà T vào ngày 24/8/2022 là không vi phạm và chị P yêu cầu chị H1, anh H trả lại số tiền thuê còn lại 10.000.000 đồng là không có căn cứ, không được chấp nhận.

[10] Tại phiên tòa, chị P, chị H1 thỏa thuận các khoản chị H1, anh H trả lại cho chị P tiền mua bạt 1.500.000 đồng; tiền mất thu nhập 9.000.000 đồng; xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận; anh H đã được tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về các nội dung này xem như anh H không có ý kiến phản đối. Do đó, buộc anh H liên đới cùng chị H1 trả cho chị P tổng số tiền 10.500.000 đồng là phù hợp.

[11] Chi phí giám định: Quá trình diễn biến tại phiên tòa, chị H1 thừa nhận có phần lỗi do không kiểm tra nội dung biên nhận mà chị đã ủy quyền cho chị N ghi khi nhận tiền từ chị P. Do đó, kết quả giám định chứng minh yêu cầu của chị P có căn cứ một phần nên chị H1, anh H cũng phải có trách nhiệm chịu khoản chi phí này và mỗi bên phải chịu số tiền 1.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[12] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị P phải chịu: 10.000.000 đồng x 5% = 500.000 đồng; chị H1, anh H phải chịu: 10.500.000 đồng x 5% = 525.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 161, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 422, 472, 474, 475, 482, 584 và 585 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P. Buộc chị Nguyễn Tuyết H1, anh Lâm Thanh H trả cho chị P tổng số tiền 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị P về việc yêu cầu chị H1, anh H trả lại số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

3. Chi phí giám định: Chị P phải chịu 1.000.000 đồng; chị H1, anh H phải chịu 1.000.000 đồng. Chị P đã nộp và đối chiếu, thanh toán 2.000.000 đồng được nhận lại 1.000.000 đồng; chị H1, anh H có nghĩa vụ nộp lại 1.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi để hoàn trả lại cho chị P.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị P cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả thì hàng tháng chị H1, anh H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị P phải chịu 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Đối trừ số tiền chị P đã nộp tạm ứng số tiền 1.353.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013071 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi thì chị P được nhận lại số tiền 853.000 đồng.

- Chị H1, anh H phải chịu 525.000.000 đồng (năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn